

Số: 03 /2019/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng
tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý (theo Phụ lục đính kèm).

Quyết định này không áp dụng đối với công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng theo Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng, thuê, mua trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp cho phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh nhu cầu sử dụng diện tích chuyên dùng chưa được quy định tại Quyết định này; các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20/02/2019.
2. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các đ/c thành viên UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc tỉnh;
- Viện KSND, Tòa án ND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: HCTC, KTTH, CN&XDCB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Nhường

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng

(Kèm theo Quyết định số 03 /2019/QĐ-UBND/ ngày 25 / 01/ 2019 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: m²

TT	Nội dung	Diện tích tối đa		
		Sở, ngành thuộc tỉnh	UBND cấp huyện	UBND cấp xã
1	Diện tích tối đa sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính, tiếp dân, quản trị hệ thống công nghệ thông tin			
a	Trường hợp thuộc trụ sở của các cơ quan, tổ chức, đơn vị			
-	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	60	120	60
-	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp dân	45	60	60
-	Diện tích sử dụng cho quản trị hệ thống công nghệ thông tin		80	40
+	Cơ quan, đơn vị thành lập Phòng Công nghệ thông tin	80		
+	Các cơ quan, đơn vị khác	40		
+	Đơn vị trực thuộc các sở, ngành cấp tỉnh	40		
b	Trường hợp là cơ quan độc lập (Trung tâm hành chính công cấp tỉnh, cấp huyện; Ban tiếp công dân tỉnh)			
-	Trung tâm Hành chính công tỉnh, cấp huyện: Diện tích tối đa sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	1.200	800	
-	Ban tiếp công dân tỉnh: Diện tích tối đa sử dụng cho hoạt động tiếp dân	400		
2	Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên)			
-	Đối với cấp huyện, cấp xã: Mỗi huyện, thị xã, thành phố; mỗi xã, phường, thị trấn được xây dựng tối đa 1 hội trường lớn. Hội trường lớn được thiết kế theo yêu cầu sử dụng chung và được phê duyệt trong báo cáo đầu tư. Quy mô hội trường được xác định theo tính toán và yêu cầu sử dụng, nhưng: Hội trường lớn của cấp huyện không vượt quá 500 chỗ, Hội trường lớn của cấp xã không vượt quá 350 chỗ. Diện tích cụ thể được xác định theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4601:2012.			
-	Đối với các sở, ban, ngành (gồm cả trụ sở liên cơ quan) thuộc tỉnh: Hội trường lớn được thiết kế theo yêu cầu sử dụng và được phê duyệt trong báo cáo đầu tư. Quy mô hội trường được xác định theo tính toán và yêu cầu sử dụng nhưng không vượt quá 200 chỗ. Diện tích cụ thể được xác định theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4601:2012.			
3	Diện tích Kho chuyên ngành của các cơ quan, đơn vị: Kho chuyên ngành được thể hiện trong báo cáo đầu tư, báo cáo UBND tỉnh quyết định trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, diện tích tối đa không quá 100 m ² .			
4	Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức (nếu có): Các nhiệm vụ đặc thù được nêu trong báo cáo đầu tư, báo cáo UBND tỉnh quyết định trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, diện tích tối đa không quá 150 m ² .			
5	Diện tích công trình sự nghiệp khác (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo): Để phù hợp với đặc thù từng hoạt động sự nghiệp, phân cấp cho chủ đầu tư dự kiến định mức để đảm bảo hoạt động của cơ sở sự nghiệp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư xem xét, quyết định, khi lập dự án đầu tư xây dựng, cải tạo.			